

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Thiện;
Bà Đào Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Phạm Thị Phượng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Ngọc C**, sinh năm 1990;

Bị đơn: Anh **Nguyễn TT**, sinh năm 1988;

Cùng nơi cư trú: Tổ 17, kp B, thị trấn Dương Minh Châu, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Huỳnh Ngọc C trình bày:

Chị và anh TT tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND thị trấn Dương Minh Châu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2019- 2020 anh TT đã chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ, chị và anh TT đã cãi nhau gay gắt đến mức chị phải về nhà mẹ ruột chị ở 02 tháng. Anh TT có xin lỗi chị, do còn thương con và anh TT nên chị đã đồng ý đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 9/2024 đến nay, do anh TT tiếp tục có nhiều mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, còn đòi đến nhà họ sinh sống nhưng chị không đồng ý, dẫn đến hai bên thường xuyên gây gổ gay gắt, do đó từ tháng 3/2025 chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Anh TT không chung thủy trong hôn nhân, nhiều lần có mối quan hệ bất

chính với người khác, nhiều lần xin tha thứ đoàn tụ nhưng không thể sửa chữa tính tình được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn với anh TT.

Về con chung: Có 02 con chung:

Nguyễn Ngọc TH, sinh ngày 04-6-2008;

Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 03-01-2014.

Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc TH; anh TT nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn TT trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị C trình bày là đúng. Cách đây nhiều năm anh có người khác phụ nữ khác bên ngoài khiến chị C bỏ về nhà mẹ ruột ở 02 tháng, anh có năn nỉ đoàn tụ và hứa sửa đổi nên vợ chồng đoàn tụ. Sau đó đến nay anh đã sửa đổi tính tình không có quan hệ bất chính với ai nữa. Việc chị C trình bày anh nhiều lần có mối quan hệ bất chính với người khác là không có, do anh đi làm thuê nhiều lần cho phụ nữ khác đi nhờ nên chị C hiểu lầm ghen tuông, anh có nhiều lần giải thích nhưng chị C không tin. Đến khoảng đầu tháng 3/2025 vợ chồng có cãi nhau dẫn đến chị C dẫn con gái lớn về nhà ngoại sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian chị C bỏ đi, ngày nào anh cũng gọi điện thoại năn nỉ chị C đoàn tụ nhưng chị C không đồng ý. Anh có nhiều lần cam kết với vợ sẽ sửa đổi, không tái phạm trong thời gian tới nhưng vợ không tin tưởng. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do vẫn còn tình cảm với chị C, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung:

Nguyễn Ngọc TH, sinh ngày 04-6-2008;

Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 03-01-2014.

Trường hợp Tòa án xem xét cho ly hôn, anh đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc TH cho chị C nuôi dưỡng, anh đồng ý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01

về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh TT.

Con chung: Giao cháu Hà cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Hào cho anh TT tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C, anh TT không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C, anh TT tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 24-3-2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Minh Châu. Quá trình chung sống, do anh TT ngoại tình nên chị C bỏ đi, anh TT nhiều lần cam kết sửa đổi tính tình vì vậy hai bên đã đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi đoàn tụ, anh TT tiếp tục có mối quan hệ không rõ ràng với phụ nữ khác nên đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được giải quyết. Anh TT xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn trên. Do đó, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của chị C và anh TT đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung:

Nguyễn Ngọc TH, sinh ngày 04-6-2008;

Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 03-01-2014.

Tại phiên tòa hai bên thống nhất: Chị C nuôi dưỡng cháu Hà. Anh TT nuôi dưỡng cháu Hào; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị C phải chịu 300.000 đồng.

Anh TT không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-

HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc C và anh Nguyễn TT chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

Nguyễn Ngọc TH, sinh ngày 04-6-2008;

Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 03-01-2014.

Chị Huỳnh Ngọc C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Ngọc TH. Anh Nguyễn TT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Tuấn H. Chị C, anh TT không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Ngọc C, anh Nguyễn TT được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Huỳnh Ngọc C phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005119 ngày 07-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Nguyễn TT không phải chịu.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- UBND xã nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hạ

